TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 19/2026/HNGĐ-ST Ngày 15-6-2026 V/v *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Quang Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Văn Thứ và bà Nguyễn Thị Hoài Thương;

- Thư ký phiên toà*:* Bà Bùi Thị Bé - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Hoài Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 94/2026/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026 về việc "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị B**, sinh năm 1982; CCCD số 022182015015 Địa chỉ: thôn A, xã L, tỉnh Quảng Trị. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông **Cao Đặng C**, sinh năm 1981; CCCD số: 022081010309 Địa chỉ: thôn A, xã L, tỉnh Quảng Trị. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phạm Thị B trình bày trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng tại Tòa án và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 29/5/2026:

Về tình cảm: Bà Phạm Thị B và ông Cao Đặng C tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 13/4/2015 tại UBND xã N, huyện U, tỉnh Quảng Ninh. Lúc đầu vợ chồng bà Phạm Thị Bích C1 sống rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2024 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng bà Phạm Thị B đã ly thân từ tháng 3 năm 2025 đến nay và không còn tình cảm với nhau. Nay, bà Phạm Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết cho Bà được ly hôn với ông Cao Đặng C.

Về con chung: Bà Phạm Thị B và ông Cao Đặng C có 02 con chung là cháu Cao Thiên L, sinh ngày 16/6/2007; cháu Cao Đông H, sinh ngày 06/01/2011. Khi

ly hôn, cháu Cao Thiên L đã thành niên nên bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà Phạm Thị B có nguyện vọng giao cháu Cao Đông H cho ông Cao Đặng C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Phạm Thị B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H hàng tháng số tiền 10.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản trình bày ý kiến đề ngày 15/4/2026 và đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 29/5/2026, bị đơn ông Cao Đặng C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Cao Đặng C và bà Phạm Thị Bích tự N đăng ký kết hôn với nhau ngày 26/10/2005 tại UBND xã N, huyện U, tỉnh Quảng Ninh. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hòa thuận, không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành và đã sống ly thân với nhau nhiều năm nay. Nay, bà Phạm Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà B được ly hôn thì ông Cao Đặng C thuận tình ly hôn với bà Phạm Thị Bích .

Về con chung: Ông Cao Đặng C và bà Phạm Thị B có 02 con chung là cháu Cao Thiên L, sinh ngày 16/6/2007; cháu Cao Đông H, sinh ngày 06/01/2011. Khi ly hôn, cháu Cao Thiên L đã thành niên nên ông Cao Đặng C không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Cao Đặng C muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Cao Đông H. Yêu cầu bà Phạm Thị Bích P cấp dưỡng nuôi cháu H hàng tháng số tiền 10.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Phạm Thị B được ly hôn với ông Cao Đặng C.

Về con chung: Giao cháu Cao Đông H, sinh ngày 06/01/2011 cho ông Cao Đặng C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Phạm Thị B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H hàng tháng số tiền 10.000.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 6 năm 2026 cho đến khi cháu Cao Đông H đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Bà Phạm Thị B và ông Cao Đặng C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Bà Phạm Thị Bích P chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Phạm Thị B có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông Cao Đặng C và giải quyết về con chung, Tòa án thụ lý giải quyết và xác định quan hệ tranh chấp *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Cao Đặng C có nơi thường trú tại thôn A, xã L, tỉnh Quảng Trị nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn:

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Phạm Thị B và ông Cao Đặng C được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ nhất nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyễn đơn bà Phạm Thị B và bị đơn ông Cao Đặng C.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

3.1. Về quan hệ hôn nhân:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/4/2026, lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định bà Phạm Thị B và ông Cao Đặng C tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 26/10/2005 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện U, tỉnh Quảng Ninh (nay là Ủy ban nhân dân phường V, tỉnh Quảng Ninh). Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị B và ông Cao Đặng C là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không còn tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Theo kết quả xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Quảng Trị ngày 27/5/2026, bà Phạm Thị B và ông Cao Đặng C đã không còn chung sống cùng nhau trong thời gian dài, đời sống chung trên thực tế không còn tồn tại, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng. Ông Cao Đặng C có ý kiến đồng ý ly hôn với bà Phạm Thị Bích .

Hội đồng xét xử xét thấy việc cả bà Phạm Thị B và ông Cao Đặng C đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cùng thống nhất chấm dứt quan hệ hôn nhân; đồng thời các bên đã không còn chung sống với nhau trong thời gian dài, không còn duy trì đời sống chung của vợ chồng. Điều đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị B và ông Cao Đặng C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B, cho bà Phạm Thị B được ly hôn với ông Cao Đặng C theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

3.2. Về con chung:

Bà Phạm Thị B và ông Cao Đặng C có 02 con chung là cháu Cao Thiên L, sinh ngày 16/6/2007 và cháu Cao Đông H, sinh ngày 06/01/2011. Tại thời điểm giải quyết vụ án, cháu Cao Thiên L đã thành niên, có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết.

Đối với cháu Cao Đông H, bà Phạm Thị B có nguyện vọng giao cháu cho ông Cao Đặng C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng; ông Cao Đặng C đồng ý nhận nuôi dưỡng cháu Cao Đông H. Quá trình giải quyết vụ án thể hiện hiện nay cháu Cao Đông H đang sinh sống ổn định cùng ông Cao Đặng C. Bà Phạm Thị B trình bày thường xuyên đi làm ăn xa, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc con. Mặt khác, theo nguyện vọng của cháu Cao Đông H thì nếu cha mẹ ly hôn, cháu mong muốn được tiếp tục ở với bố.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn phải bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. Do đó, việc giao cháu Cao Đông H cho ông Cao Đặng C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với điều kiện thực tế, bảo đảm sự ổn định về môi trường sống, học tập và phát triển của cháu, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị Bích tự N cấp dưỡng nuôi cháu Cao Đông H số tiền 10.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ông Cao Đặng C đồng ý với mức cấp dưỡng nêu trên. Hội đồng xét xử thấy rằng, cha, mẹ

không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên. Việc bà Phạm Thị Bích tự N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng và mức cấp dưỡng do các đương sự thống nhất thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, phù hợp với quyền lợi của con chung nên cần được chấp nhận theo quy định tại các Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

Vì vậy, cần giao cháu Cao Đông H, sinh ngày 06/01/2011 cho ông Cao Đặng C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc bà Phạm Thị B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Cao Đông H số tiền 10.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 6 năm 2026 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

3.3. Về tài sản chung: Bà Phạm Thị B và ông Cao Đặng C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Buộc nguyên đơn bà Phạm Thị Bích P chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 84; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị B và ông Cao Đặng C. *(Giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/10/2005 tại UBND xã N, huyện U, tỉnh Quảng Ninh (nay là UBND phường V, tỉnh Quảng Ninh)*

2. Về con chung: Giao cháu Cao Đông H, sinh ngày 06/01/2011 cho ông Cao Đặng C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Phạm Thị B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng số tiền 10.000.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng nuôi

con tính từ tháng 6 năm 2026 cho đến khi cháu Cao Đông H đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Bà Phạm Thị B có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở bà Phạm Thị B thực hiện quyền này.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị Bích P chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* mà bà Phạm Thị B đã nộp theo biên lai ký hiệu: BLTU/26E, số 0001649 ngày 14/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Bà Phạm Thị B tiếp tục phải nộp thêm 300.000 đồng án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Phạm Thị B, bị đơn ông Cao Đặng C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 7-Quảng Trị;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị;
- UBND phường Vàng Danh, tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quang Sơn